ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2019

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 104 /2019/ĐKSP

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
Xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: Fax:
Email:
Cho sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 3 CHO TRẺ TỪ 12-36 THÁNG TUỔI BELLAMY'S ORGANIC TODDLER MILK DRINK
Do: BELLAMY'S ORGANIC PTY LTD
Địa chỉ nơi sản xuất: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia.
Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn:
QCVN 11-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.
Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:
-Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Minh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08

I. Thông tin về tổ chức công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 38 408 957 Fax: +84 28 38 408 958

Email: info@natural-food.asia

Mã số doanh nghiệp: 0315018018

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 3 CHO TRẺ TỪ 12-36 THÁNG TUỔI BELLAMY'S ORGANIC TODDLER MILK DRINK

2. Thành phần: Sữa đặc hữu cơ [Sữa nguyên kem hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, sữa tách béo hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, bột whey khử khoáng hữu cơ, bột lactose hữu cơ], dầu thực vật hữu cơ [dầu đậu nành hữu cơ, dầu hạt hướng dương hữu cơ, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành hữu cơ], Galacto-oligosaccharides lỏng hữu cơ (GOS) từ sữa, dầu DHA khô [dầu cá (cá ngừ), sodium caseinate, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành, chất chống oxy hóa (sodium-L-ascorbat INS 301, mixed tocopherols INS 307, ascorbyl palmitat INS 304)].

Khoáng chất: Calcium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.

Vitamin: Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), vitamin E (D-alpha-Tocopheryl acetate), niacin (nicotinic acid amide), vitamin A (retinyl acetate), vitamin D_3 (cholecalciferol), vitamin B_{12} (cyanocobalamin), vitamin B_1 (thiaminchloride hydrochloride), vitamin B_6 (pyridoxine hydrochloride), folic acid (N-Pteroyl-L-glutamic acid).

Tổng hàm lượng hữu cơ được chứng nhận là 95% (chứng nhận hữu cơ ACO số 10025, chứng nhận hữu cơ NASAA số 7124P).

Cảnh báo dị ứng: Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: xem "MFD" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

Hạn sử dụng: xem "USE BY" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc, có lớp giấy bạc niêm phong có thể lột ra được. Bên trong hộp có 01 muỗng đong màu trắng làm từ nhựa polypropylene, nắp hộp được làm từ nhựa polyethylene mật độ cao (HDPE) và polyethylene mật độ thấp (LDPE), bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 900 g/lon

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Úc
- Nhà sản xuất: Bellamy's Organic Pty Ltd
- Địa chỉ: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm).*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 11-3:2012/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC VỚI MỤC ĐÍCH ĂN BỔ SUNG CHO TRẺ TỪ 6 ĐẾN 36 THÁNG TUỔI.
- QCVN 8-1:2011/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIỚI HẠN Ô NHIỄM ĐỘC TỐ VI NẤM TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo nhóm "Thức ăn công thức dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi (Infant formulae and follow-on formulae)".
- QCVN 8-2:2011/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIỚI HẠN Ô NHIỄM KIM LOẠI NẶNG TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo nhóm "Thức ăn công thức dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi (chế biến ăn liền theo hướng dẫn của nhà sản xuất – ready to use)" và "Các sản phẩm sữa dạng bột (đựng trong bao bì tráng thiếc)".
- QCVN 8-3:2012/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI Ô NHIỄM VI SINH VẬT TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo nhóm "Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn dặm cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi".
- CAC/GL 8-1991: HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC VỚI MỤC ĐÍCH ĂN BỔ SUNG CHO TRẺ TỪ 6-36 THÁNG TUỔI. Đạt yêu cầu sử dụng nguyên liệu và thành phần phù hợp để sản xuất sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi.
- CAC/GL 10-1979: DANH MỤC KHUYẾN CÁO VỀ CÁC HỢP CHẤT DINH DƯỠNG SỬ DỤNG TRONG THỰC PHẨM DÀNH CHO CHẾ ĐỘ ĂN ĐẶC BIỆT CHO TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ NHỎ. Đạt yêu cầu về các chất phụ gia thực phẩm đối với các dạng dinh dưỡng đặc biệt.

- CXS 156-1987: TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DINH DƯỠNG CÔNG THỨC CHO TRẺ TỪ 6 ĐẾN 36 THÁNG TUỔI. Đạt yêu cầu về các chất phụ gia thực phẩm được phép sử dụng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0315018018 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC

Vương Gia Thiện

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 3 CHO TRẺ TỪ 12-36 THÁNG TUỔI
BELLAMY'S ORGANIC TODDLER MILK DRINK

1. **Thành phần:** Sữa đặc hữu cơ [Sữa nguyên kem hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, sữa tách béo hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, bột whey khử khoáng hữu cơ, bột lactose hữu cơ], dầu thực vật hữu cơ [dầu đậu nành hữu cơ, dầu hạt hướng dương hữu cơ, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành hữu cơ], Galacto-oligosaccharides lỏng hữu cơ (GOS) từ sữa, dầu DHA khô [dầu cá (cá ngừ), sodium caseinate, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành, chất chống oxy hóa (sodium-L-ascorbat INS 301, mixed tocopherols INS 307, ascorbyl palmitat INS 304)].

   Khoáng chất: Calcium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.

   Vitamin: Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), vitamin E (D-alpha-Tocopheryl acetate), niacin (nicotinic acid amide), vitamin A (retinyl acetate), vitamin D_3 (cholecalciferol), vitamin B_{12} (cyanocobalamin), vitamin B_1 (thiaminchloride hydrochloride), vitamin B_6 (pyridoxine hydrochloride), folic acid (N-Pteroyl-L-glutamic acid).

   Tổng hàm lượng hữu cơ được chứng nhận là 95% (chứng nhận hữu cơ ACO số 10025, chứng nhận hữu cơ NASAA số 7124P).

   Cảnh báo dị ứng: Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.

2. **Khối lượng tịnh:** 900 g/lon
3. **Thời hạn sử dụng:** 2 năm kể từ ngày sản xuất.

   Ngày sản xuất: xem "MFD" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

   Hạn sử dụng: xem "USE BY" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).
4. **Đối tượng sử dụng:** Dùng cho trẻ từ 12 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi.
5. **Hướng dẫn sử dụng:**

   5.1 Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng cho chế độ ăn hàng ngày cùng với sữa mẹ, hỗ trợ duy trì sự phát triển toàn diện của trẻ.

   CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

   Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

   5.2 Hàm lượng sử dụng: Bảng hướng dẫn pha chỉ mang tính chất gợi ý. Trẻ có thể cần nhiều hơn hoặc ít hơn chỉ định.

Độ tuổi của trẻ	Lượng nước/bình (ml)	Lượng bột/bình	Lượng khuyến khích dùng/ngày
Từ 12 tháng tuổi	200	4 muỗng gạt (34,4 g)	1 – 2 lần

5.3 Cách pha chế:

1. Luôn rửa tay trước khi pha sữa. Vệ sinh dụng cụ pha thật kỹ. Tiệt trùng bằng cách đun 5 phút trong nước sôi. Đun sôi nước sạch và để nguội cho đến khi nhiệt độ giảm xuống 50 – 60 °C.
2. Múc đầy một muỗng bột bằng cách gạt muỗng trên thành hộp. Luôn pha theo tỷ lệ 1 muỗng bột gạt ngang (tương đương 8,6 g) với mỗi 50 ml nước trong mỗi bình sữa.
3. Cho 4 muỗng sữa bột gạt ngang (tương đương 34,4 g) vào 200 ml nước đã đun sôi để nguội 50 – 60 °C.
4. Khuấy hoặc lắc cho đến khi bột tan đều, nên kiểm tra lại nhiệt độ để đảm bảo an toàn cho trẻ bằng cách nhỏ giọt sữa vào mặt trong của cổ tay bạn trước khi cho trẻ bú. Bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 24 giờ.

6. Thông tin cảnh báo an toàn:

- Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.
- Không dùng cho trẻ dưới 12 tháng tuổi.

7. Bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Luôn đậy kín nắp hộp và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở hộp. Sử dụng trước ngày hết hạn in dưới đáy hộp. Pha sữa theo khối lượng không theo thể tích. Bột sữa có thể bị vón cục.

8. Xuất xứ: Úc

- Nhà sản xuất: Bellamy's Organic Pty Ltd
- Địa chỉ: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia

9. Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 38 408 957

10. Số ĐKSP:

NHÃN SẢN PHẨM

MẶT TRƯỚC CỦA SẢN PHẨM (BAO BÌ GỐC)

M.S.D.N:0315018018-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
Q.BÌNH THẠNH-T.P HỒ CHÍ MINH

NHÃN SẢN PHẨM

MẶT TRƯỚC CỦA SẢN PHẨM TUÂN THEO NGHỊ ĐỊNH 100/2014/NĐ-CP

NGÀY 06/11/2014 QUY ĐỊNH VỀ NHÃN SẢN PHẨM

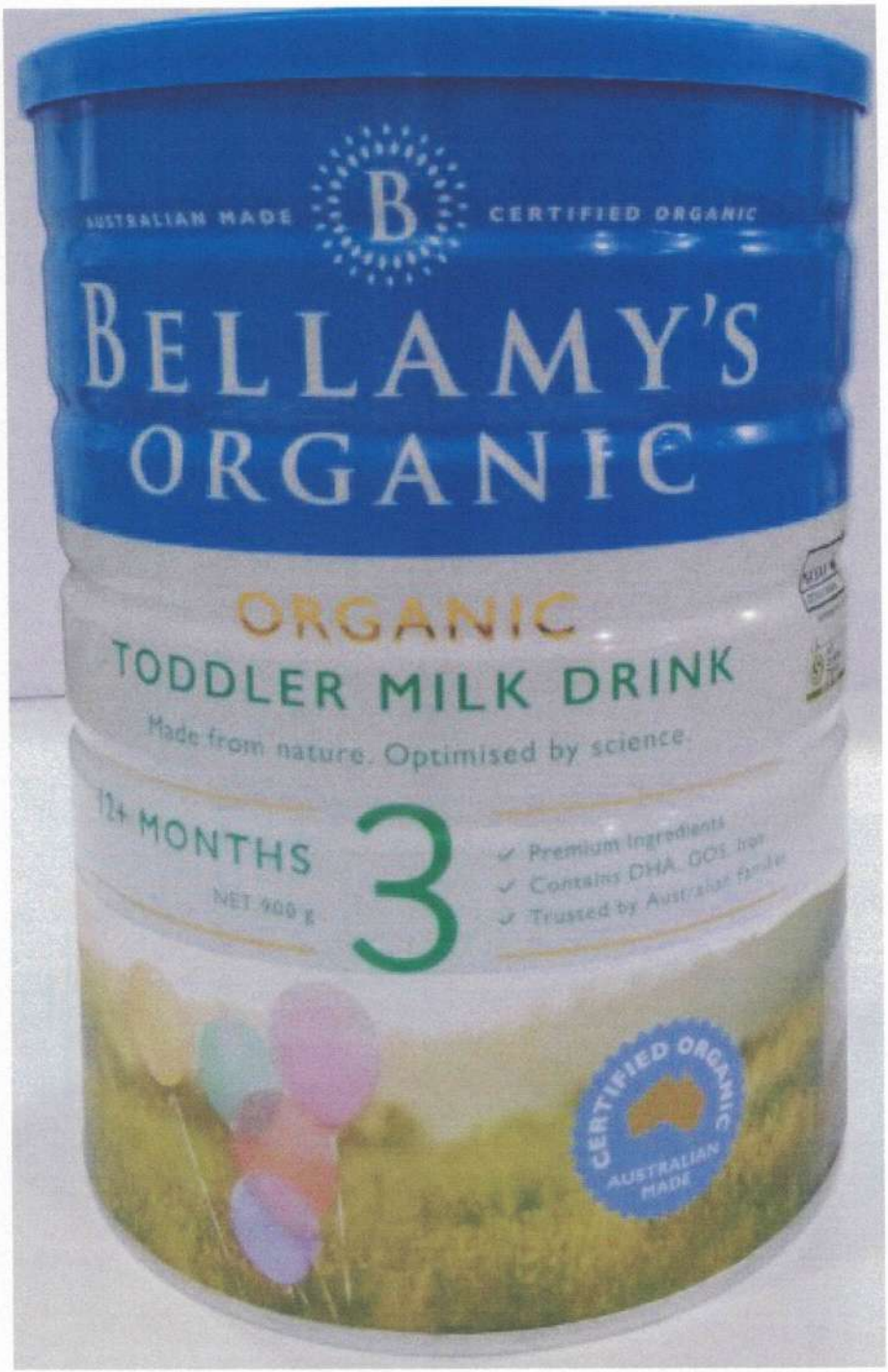

MẶT BÊN PHẢI CỦA SẢN PHẨM

M.S.D.N: 0315018018 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

MẶT BÊN TRÁI CỦA SẢN PHẨM

M.S.D.N: 0315018018 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

MẶT TRÊN CỦA SẢN PHẨM

NẮP LON – THIẾT KẾ SỐ 01

NẮP LON – THIẾT KẾ SỐ 02

PHÍA DƯỚI NẮP NHỰA CỦA SẢN PHẨM

M.S.D.N: 0315018018 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

MẶT DƯỚI CỦA SẢN PHẨM – ĐÁY LON

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	743-2019-00006146
Mã số kết quả	AR-19-VD-007989-02 / EUVNHC-00060392

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-19-VD-007989-01/743-2019-00006146, xuất ngày 26/03/2019; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu:	Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 3 cho trẻ từ 12-36 tháng tuổi Bellamy's Organic Toddler Milk Drink
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	23/01/2019
Thời gian thử nghiệm:	23/01/2019 - 23/05/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	23/03/2019
Mã số PO của khách hàng :	GG8T190123348

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) *Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	$1.6x10^2$
2	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) *Coliforms*	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD346 VD (a) *Enterobacteriaceae*	cfu/g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD354 VD (a) *Escherichia coli*	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=3)
6	VD368 VD (a) *Salmonella spp.*	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
7	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) *Tổng số nấm men, nấm mốc*	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD389 VD (a)(f) *Listeria monocytogenes*	cfu/g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
10	VD398 VD (a) *Bacillus cereus*	cfu/g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
11	VD440 VD *Enterobacter sakazakii*	/25 g	TCVN 7850:2008 (ISO/TS 22964:2006)	Không phát hiện
12	VD129 VD Carbohydrates	g/100 g	AOAC 986.25 mod.	58.0

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
13	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	2.09
14	VD164 VD (a)(f) Chất béo tổng số	g/100 g	TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008)	14.8
15	VD262 VD (a)(f) Protein	g/100 g	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	20.6
16	VD543 VD Năng lượng Năng lượng: 66 kcal/100ml	kcal/100 g	FAO 2013 77	447
17	VD009 VD (a)(d) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/100 g	AOAC 2012.21 mod	130
18	VD563 VD (a) Vitamin D (quy từ Vitamin D_3)	IU/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-143) (GC-MS)	436
19	VD564 VD (a) Vitamin K_1	µg/100 g	TCVN 8974:2011	61.2
20	VD565 VD (a) Vitamin B1	mg/100 g	Ref. BS EN 14122:2014	0.61
21	VD567 VD (a) Vitamin B5 (Acid D-Pantothenic)	mg/100 g	Ref. AOAC 2012.16	1.93
22	VD569 VD (a) Vitamin B12	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) (LC-UV)	1.13
23	VD570 VD (a) Biotin	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) (LC-UV)	28.50
24	VD571 VD (a) Vitamin B9	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) (LC-UV)	110
25	VD664 VD (a) Vitamin B3	mg/100 g	EN 15652 2009 mod.	3.98
26	VD863 VD (a)(f) Retinol (Vitamin A)	IU/100 g	AOAC 992.06 mod	1423
27	VD852 VD (a) Alpha-Tocopherol	IU/100 g	AOAC 992.03	23.9
28	VD865 VD (a) Vitamin B2 (riboflavin)	mg/100 g	BS EN 14152:2014 mod	1.80
29	VD866 VD (a) Vitamin B6	mg/100 g	BS EN 14663:2005 mod	0.48
30	VD0BH VD (a) C 18:3 (Acid alpha-linolenic) (ALA)	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	0.220
31	VD0BL VD (a) C 18:2 n6 (Acid cis-linoleic)	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	2.39
32	VD0C4 VD (a) C22:6(cis-4,7,10,13,16,19-Docosa hexaenoic acid)DHA	mg/100 g	Ref. ISO 5509:2000	22.2
33	VD126 VD (a)(f) Canxi (Ca)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	711
34	VD192 VD (a)(f) Magie (Mg)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	57.3
35	VD252 VD (a)(f) Phospho (P)	mg/100 g	TCVN 6271:2007 (ISO 9874:2006)	532
36	VD256 VD (a)(f) Kali (K)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	850
37	VD277 VD (a)(f) Natri (Na)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	283
38	VD883 VD (a) Sắt (Fe)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114) (Ref. AOAC 2015.01)	7.34

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
39	VD897 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114) (Ref. AOAC 2015.01)	4.35
40	VD855 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
41	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
42	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
43	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.004)
44	VD887 VD (a) Thiếc (Sn)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.02)
45	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/kg	Ref. AOAC International 84.6 (2001):1818-1827	Không phát hiện (LOD=0.5)
46	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/kg	Ref. EN 15850:2010	Không phát hiện (LOD=5)
47	VD069 VD (a) Deoxynivalenol	µg/kg	Ref. BS EN 15791:2009	Không phát hiện (LOD=50)
48	VD071 VD (a) Patulin	µg/kg	Ref. AOAC 2000.02	Không phát hiện (LOD=5)
49	VD633 VD (a) Fumonisin tổng số	µg/kg	EN 14352:2004	Không phát hiện (LOD=100)
50	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
51	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
52	VD020 VD (a) Melamin	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
53	VD605 VD (a) Clorua (Cl^-)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-061) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	499
54	VD0IU VD Protein	g/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	4.60
55	VD0IV VD Chất béo tổng số	g/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008)	3.31
56	VD970 VD Acid linoleic (dạng glycerid)	mg/100 kcal	AOAC 996.06; FAO 2013 77	535
57	VD971 VD Alpha linolenic acid	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 996.06	49.2
58	VD939 VD Carbohydrates	g/100 kcal	AOAC 986.25 mod.; FAO 2013 77	13.0
59	VD940 VD Vitamin A	IU/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 992.06 mod	318
60	VD942 VD Vitamin D (quy từ Vitamin D_3)	IU/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-101-143)	97.5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
61	VD941 VD Vitamin E (các hợp chất α-tocopherol)	IU/100 kcal	AOAC 992.03; FAO 2013 77	5.35
62	VD943 VD Vitamin K_1	µg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-145)	13.7
63	VD945 VD Vitamin B_2 (riboflavin)	µg/100 kcal	FAO 2013 77; BS EN 14152:2014 mod	403
64	VD948 VD Vitamin B_{12}	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144); FAO 2013 77	0.25
65	VD949 VD Acid pantothenic	µg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-147)	432
66	VD950 VD Acid folic	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144); FAO 2013 77	24.5
67	VD951 VD Vitamin C (acid ascorbic)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 2012.21 mod	29.1
68	VD952 VD Vitamin H (Biotin)	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144); FAO 2013 77	6.38
69	VD953 VD Sắt (Fe)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114)	1.64
70	VD954 VD Calci (Ca)	mg/100 kcal	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007); FAO 2013 77	159
71	VD955 VD Phospho (P)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 6271:2007 (ISO 9874:2006)	119
72	VD956 VD Magnesi (Mg)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	12.8
73	VD957 VD Natri (Na)	mg/100 kcal	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007); FAO 2013 77	63.3
74	VD958 VD Clorid	mg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-061)	112
75	VD959 VD Kali (K)	mg/100 kcal	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007); FAO 2013 77	190
76	VD961 VD Iod (I)	µg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ	23.9
77	VD964 VD Kẽm (Zn)	mg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114); FAO 2013 77	0.972
78	VD17H VD Docosahexaenoic acid (DHA)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 996.06	5.0
79	VD20K VD (a) Hàm lượng iod	µg/100 g	AOAC 2012.15	107
80	VD19L VD Methyl thủy ngân (MeHg)	mg/kg	Calderon, J., et al. "Determination of methylmercury in seafood by direct mercury analysis: Standard operating procedure" (jrc(2013): 80259	Không phát hiện (LOD=0.005)
81	VD946 VD Nicotinamid	µg/100 kcal	FAO 2013 77; EN 15652 2009 mod.	890

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
82	VD944 VD Vitamin B_1 (thiamin)	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-115); FAO 2013 77	136
83	VD947 VD Vitamin B_6	µg/100 kcal	BS EN 14663:2005 mod; FAO 2013 77	107
84	VD21F VD Xơ dinh dưỡng	g/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 991.43	0.47

Công thức pha sữa: 4 muỗng (mỗi muỗng 34.4 g) bột sữa pha với 200 ml nước

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất

M.S.D.N: 0311528888 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
QUẬN 9 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 23/05/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chỉ Định Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm

HỦY BỎ VÀ THAY THẾ*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	**743-2019-00020292**
Mã số kết quả	**AR-19-VD-021149-02 / EUVNHC-00064249**

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-19-VD-021149-01/743-2019-00020292, xuất ngày 29/03/2019; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu:	Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 3 cho trẻ từ 12-36 tháng tuổi Bellamy's Organic Toddler Milk Drink
Tình trạng mẫu:	Mẫu đóng gói kín
Ngày nhận mẫu :	22/03/2019
Thời gian thử nghiệm:	22/03/2019 - 25/03/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	29/03/2019
Mã số PO của khách hàng :	GG8T190322382

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD640 VD (a) **Aflatoxin M1**	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 22/05/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.

Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.

Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.

Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238

HỦY BỎ VÀ THAY THẾ*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	743-2019-00006147
Mã số kết quả	AR-19-VD-008918-02 / EUVNHC-00060392

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-19-VD-008918-01/743-2019-00006147, xuất ngày 13/03/2019; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu:	Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 3 cho trẻ từ 12-36 tháng tuổi Bellamy's Organic Toddler Milk Drink
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	23/01/2019
Thời gian thử nghiệm:	23/01/2019 - 11/02/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	23/02/2019
Mã số PO của khách hàng :	GG8T190123348

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD665 EXT Florua (F^-)	µg/100 kcal	AOAC 944.08; TCVN 6195:1996	Không phát hiện (LOD=13)
2	VD18W EXT Galacto oligosaccharides (GOS)	g/100 kcal	KN/QTKT/7.18	0.35

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 22/05/2019

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Những phép thử được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins sẽ được nhận diện với biểu tượng "EXT".

HỦY BỎ VÀ THAY THẾ*

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
---
CV số: 24/CV-BQLATTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: **BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**
V/v: Điều chỉnh thông tin ghi nhãn phụ trong bản đăng ký công bố: 104/2019/ĐKSP, ngày 03/06/2019

Công ty TNHH Natural Food Group có trụ sở tại C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy phép kinh doanh số: 0315018018 ngày 02/05/2018 được cấp bởi Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh. Công ty chúng tôi chuyên về kinh doanh nhập khẩu các loại thực phẩm ăn uống.

Vừa qua Công ty TNHH Natural Food Group đã thực hiện đăng ký công bố cho sản phẩm **"Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 3 cho trẻ từ 12-36 tháng tuổi Bellamy's Organic Toddler Milk Drink"** có số đăng ký sản phẩm số: 104/2019/ĐKSP, ngày 03/06/2019

Để phù hợp cho việc phân phối sản phẩm, nay Công ty chúng tôi thông báo về việc điều chỉnh nội dung ghi nhãn phụ như bên dưới (Nhãn phụ đính kèm).

Nội dung trên bản đăng ký công bố	Nội dung sau điều chỉnh
1. Điều chỉnh cách thể hiện mục ***3.Thời hạn sử dụng*** trên nhãn phụ tiếng Việt	
Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất: xem "MFD" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm). Hạn sử dụng: xem "USE BY" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).	**Thời hạn sử dụng**: 2 năm kể từ NSX. NSX xem "**MFD**" và HSD xem "**USE BY**" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm)
2. Mục ***5.2 Hàm lượng sử dụng xóa bỏ*** dòng nội dung bên dưới: "Bảng hướng dẫn pha chỉ mang tính chất gợi ý. Trẻ có thể cần nhiều hơn hoặc ít hơn chỉ định"	
3. Mục ***5.3 Cách pha chế*** điều chỉnh nội dung như bên dưới	
1.Luôn rửa tay trước khi pha sữa. Vệ sinh dụng cụ pha thật kỹ. Tiệt trùng bằng cách đun 5 phút trong nước sôi. Đun sôi nước sạch và để nguội cho đến khi nhiệt độ giảm xuống 50 – 60 °C. 2.Múc đầy một muỗng bột bằng cách gạt muỗng trên thành hộp. Luôn pha theo tỷ lệ 1 muỗng bột gạt ngang (tương đương 8,6 g) với mỗi 50 ml nước trong mỗi bình sữa. 3.Cho 4 muỗng sữa bột gạt ngang (tương đương 34,4 g) vào 200 ml nước đã đun sôi để nguội 50 – 60 °C. 4.Khuấy hoặc lắc cho đến khi bột tan đều, nên kiểm tra lại nhiệt độ để đảm bảo an toàn cho trẻ bằng cách nhỏ giọt sữa vào mặt trong của cổ tay bạn trước khi	1.Luôn rửa tay trước khi pha sữa. Vệ sinh dụng cụ pha thật kỹ. Tiệt trùng bằng cách đun 5 phút trong nước sôi. Đun sôi nước sạch và để nguội cho đến khi nhiệt độ giảm xuống 50°C – 60°C. *Chỉ sử dụng muỗng đi kèm với hộp sữa để pha.* 2.Múc đầy một muỗng bột bằng cách gạt muỗng trên thành hộp. Luôn pha theo tỷ lệ 1 muỗng bột gạt ngang (tương đương 8,6 g) với mỗi 50 ml nước trong mỗi bình sữa. 3.Cho 4 muỗng sữa bột gạt ngang (tương đương 34,4 g) vào 200 ml nước đã đun sôi để nguội 50°C – 60°C.

cho trẻ bú. Bảo quản trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 24 giờ.	4.Khuấy hoặc lắc cho đến khi bột tan đều, dùng ngay sau khi pha. Nếu không dùng hết, bảo quản phần sữa đã pha trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 24 giờ.
4. Bổ sung nội dung bên dưới vào nhãn phụ "**Quét mã QR code dưới đáy lon để nhận diện hàng thật và kiểm tra nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.*"	

Theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, chúng tôi xin cam kết những thông tin về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo không có sự thay đổi hay điều chỉnh.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0315010018 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thanh Loan

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

NỘI DUNG NHÃN PHỤ DÁN TRÊN NẮP LON

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 3 CHO TRẺ TỪ 12-36 THÁNG TUỔI
BELLAMY'S ORGANIC TODDLER MILK DRINK

1.Thành phần: Sữa đặc hữu cơ [Sữa nguyên kem hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, sữa tách béo hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, bột whey khử khoáng hữu cơ, bột lactose hữu cơ], dầu thực vật hữu cơ [dầu đậu nành hữu cơ, dầu hạt hướng dương hữu cơ, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành hữu cơ], Galacto-oligosaccharides lỏng hữu cơ (GOS) từ sữa, dầu DHA khô [dầu cá (cá ngừ), sodium caseinate, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành, chất chống oxy hóa (sodium-L-ascorbat INS 301, mixed tocopherols INS 307, ascorbyl palmitat INS 304)].

Khoáng chất: Calcium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.

Vitamin: Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), vitamin E (D-alpha-Tocopheryl acetate), niacin (nicotinic acid amide), vitamin A (retinyl acetate), vitamin D_3 (cholecalciferol), vitamin B_{12} (cyanocobalamin), vitamin B_1 (thiaminchloride hydrochloride), vitamin B_6 (pyridoxine hydrochloride), folic acid (N-Pteroyl-L-glutamic acid).

Tổng hàm lượng hữu cơ được chứng nhận là 95% (chứng nhận hữu cơ ACO số 10025, chứng nhận hữu cơ NASAA số 7124P).

Cảnh báo dị ứng: Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.

2.Khối lượng tịnh: 900 g/lon

3.Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ NSX. NSX xem "**MFD**" và HSD xem "**USE BY**" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm)

4.Đối tượng sử dụng: Dùng cho trẻ từ 12-36 tháng tuổi.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

Hướng dẫn sử dụng, thông tin cảnh báo an toàn và bảo quản: Xem tờ thông tin dưới nắp lon

8.Xuất xứ: Úc

- Nhà sản xuất: Bellamy's Organic Pty Ltd
- Địa chỉ: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia

9.Nhà nhập khẩu & phân phối

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 38 408 957

10.Số ĐKSP: 104/2019/ĐKSP

NỘI DUNG NHÃN PHỤ DƯỚI NẮP LON

5.Hướng dẫn sử dụng:

5.1 Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng cho chế độ ăn hàng ngày cùng với sữa mẹ, hỗ trợ duy trì sự phát triển toàn diện của trẻ.

5.2 Hàm lượng sử dụng:

Độ tuổi của trẻ	Lượng nước/bình (ml)	Lượng bột/bình	Lượng khuyến khích dùng/ngày
Từ 12 tháng tuổi	200	4 muỗng gạt (34,4 g)	1– 2 lần

5.3 Cách pha chế:

1.Luôn rửa tay trước khi pha sữa. Vệ sinh dụng cụ pha thật kỹ. Tiệt trùng bằng cách đun 5 phút trong nước sôi. Đun sôi nước sạch và để nguội cho đến khi nhiệt độ giảm xuống 50°C – 60°C. Chỉ sử dụng muỗng đi kèm với hộp sữa để pha.

2.Múc đầy một muỗng bột bằng cách gạt muỗng trên thành hộp. Luôn pha theo tỷ lệ 1 muỗng bột gạt ngang (tương đương 8,6 g) với mỗi 50 ml nước trong mỗi bình sữa.

3.Cho 4 muỗng sữa bột gạt ngang (tương đương 34,4 g) vào 200 ml nước đã đun sôi để nguội 50°C – 60°C.

4.Khuấy hoặc lắc cho đến khi bột tan đều, dùng ngay sau khi pha. Nếu không dùng hết, bảo quản phần sữa đã pha trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 24 giờ.

6.Thông tin cảnh báo an toàn:

Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.

Không dùng cho trẻ dưới 12 tháng tuổi.

7.Bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Luôn đậy kín nắp hộp và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở hộp. Sử dụng trước ngày hết hạn in dưới đáy hộp. Pha sữa theo khối lượng không theo thể tích. Bột sữa có thể bị vón cục.

**Quét mã QR code dưới đáy lon để nhận diện hàng thật và kiểm tra nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.*